TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2018
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Biên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Duyên**

2. Bà **Hoàng Thị Mỹ Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoà**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 193/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Mộng D, sinh năm 1981
HKTT: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng
Chỗ ở hiện nay: Số nhà 16 đường H, tổ 4, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2017 của nguyên đơn Ông Phạm Thanh L và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh

Đồng Nai. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau đó đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ đầu năm 2016 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Ông Phạm Thanh L yêu cầu được ly hôn với Bà Đỗ Thị Mộng D.

- Về con chung: Ông Phạm Thanh L trình bày: Ông L và Bà Đỗ Thị Mộng D có với nhau 01 con chung là Phạm Thanh L, sinh ngày 18/7/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Phạm Thanh L do bà D trực tiếp nuôi dưỡng và sinh sống tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Nay ông L đồng ý tiếp tục giao con chung là Phạm Thanh L, sinh ngày 18/7/2013 cho bà D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.500.000 đồng/tháng đến khi cháu Lưu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh L trình bày: để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Thanh L trình bày: vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn Bà Đỗ Thị Mộng D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung giống như phần trình bày của Ông Phạm Thanh L nêu trên.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành vì lý do ông L và bà D đều có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông Phạm Thanh L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D được ly hôn; Về con chung: đề nghị giao cho Bà Đỗ Thị Mộng D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Thanh L, sinh ngày 18/7/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi. Buộc Ông Phạm Thanh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ khi Tòa án giải quyết cho ly hôn cho đến khi con chung đủ 18

tuổi; Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D đều trình bày để vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về nợ chung: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D đều trình bày không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: buộc nguyên đơn ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn; buộc Ông Phạm Thanh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Bà Đỗ Thị Mộng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền*: Nguyên đơn Ông Phạm Thanh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Bà Đỗ Thị Mộng D, Bà D có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, hiện nay đang sinh sống tại Số nhà 16 đường H, tổ 4, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước và bà D có đơn chọn Toà án nhân dân huyện B giải quyết vụ án nên xác định quan hệ *"Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D đều trình bày: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau đó đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay Ông Phạm Thanh L xin ly hôn, Bà Đỗ Thị Mộng D đồng ý. Xét việc thuận tình ly hôn giữa ông L và bà D là tự nguyên nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D.

[4] Về con chung: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D đều trình bày: Vợ chồng có 01 người con chung là Phạm Thanh L, sinh ngày 18/7/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Nay bà D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, Ông Phạm Thanh L đồng ý giao con chung là Phạm Thanh L, sinh ngày

18/7/2013 cho Bà Đỗ Thị Mộng D và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ khi Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Xét sự thống nhất thoả thuận giao con và cấp dưỡng giữa ông L và bà D là tự nguyên nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận.

[5] Về tài sản chung: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D đều trình bày để vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D đều trình bày vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 143, 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Phạm Thanh L xin ly hôn nên buộc Ông Phạm Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Do ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên buộc Ông Phạm Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 143, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn*" của Ông Phạm Thanh L với Bà Đỗ Thị Mộng D. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Phạm Thanh L và Bà Đỗ Thị Mộng D.

2. Về con chung: Công nhận sự thống nhất thoả thuận giữa Ông Phạm Thanh L và bà Bà Đỗ Thị Mộng D. Giao con chung là Phạm Thanh L, sinh ngày 18/7/2013 cho Bà Đỗ Thị Mộng D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Phạm Thanh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Thanh L, sinh ngày 18/7/2013 với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự"

3. Về án phí: Buộc Ông Phạm Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Ông Phạm Thanh L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004905 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, Ông Phạm Thanh L còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Biên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Đức Minh - Lê Thị Sáu **Trần Văn Biên**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hà **Hoàng Thị Mỹ Hằng** **Trần Văn Biên**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dư Thành Trung